

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025– 2026

LỨA TUỔI: 5-6 TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
* Phát triển vận động.			
1	- Trẻ thực hiện, đúng, thuần thục các động tác thể dục theo hiệu lệnh, hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Gà gáy, thổi bóng bay, còi tàu... - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra trước; sang 2 bên; + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân; Hai tay đánh xoay tròn trước ngực; - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa ng. ra sau kết hợp tay giơ lên cao; chân bước sang phải sang trái. + Quay người sang trái, sang phải; kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên; kết hợp tay chống hông chân bước sang phải sang trái. - Chân: + Đưa chân ra trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. + Nhảy lên , đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi vận động(đi khuyu gối , đi trên dây, đi trên ván	- Đi trên dây(dây đặt trên sàn) - Đi trên ván kê dốc - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Trèo lên xuống thang	1,4,6, 8

	dốc...		
3	- Trẻ kiểm soát được vận động đi / chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh .	- Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi, nổi bàn chân tiến lùi - Đi và đập bắt bóng - Đi bước chéo sang ngang - Chạy 18 m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 100-120 m - Chạy và vượt qua chướng ngại vật	2,3, 4, 5, 6,7
4	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Đập-bắt, ném bóng; ném xa; ném trúng đích	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung đập bắt bóng tại chỗ - Tung và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách 4m - Đi và đập bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân - Ném trúng đích, nằm ngang, thẳng đứng.	2,3, 4,5, 6, 7
5	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò, ném, chạy, trườn, bật	- Bò bằng bàn tay và bàn chân chui qua cổng - Bò đích dắc qua 7 điểm - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Bật xa ném xa bằng 1 tay - Bò đích dắc qua 7 điểm , ném xa bằng 2 tay. - Bật xa ném trúng đích nằm ngang. - Bật tách khếp chân qua 7 ô - Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 100m - Chạy và vượt qua chướng ngại vật - Bật liên tục qua 4-5 vòng , trèo lên xuống ghế - Bật nhảy từ trên cao xuống	1, 2,3, 4, 5, 6,7,8, 9

		(40-45cm) - Nhảy lò cò 5m	
6	Trẻ thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn - Lắp ráp	2,3,4, 5
7	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: Vẽ hình và sao chép các chữ cái chữ số. Cắt; xếp chồng; ghép và dán hình đã cắt theo mẫu; Cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)	- Lắp ráp - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. - Xếp chồng 12- 15 khối theo mẫu	1,2,4,6
<i>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>			
8	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng rau quả	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2 ,5,6
9	- Trẻ nói được tên, một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán kho; gạo có thể nấu cháo.....	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	1, 2,3 , 5, 6
10	- Trẻ biết: Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi khỏe mạnh, uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	2, 8

11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: rửa tay bằng xà phòng, Tự lau mặt đánh răng; tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào đúng nơi quy định; đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch	- Tập luyện kĩ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	1,2,4
12	Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo	Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo	1
13	Trẻ có một số hành vi thói quen tốt trong ăn uống : Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Không uống nước lã và ăn quà vặt ngoài đường.	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã, không ăn quà vặt ngoài đường	1 ,3.
14	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Vệ sinh răng miệng ; sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. Ra nắng đội mũ; đi tất; mặc áo ấm khi trẻ lạnh. Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, hoặc sốt.. Che miệng khi ho, hắt hơi. Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn và sử dụng trang phục một cách phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.	1 ,3,4,8
	- Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun nóng, phích nước nóng... là	Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: Bàn là, bếp điện đang đun,	

15	những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm đang đến gần; không nghịch các vật sắc nhọn.	phích nước nóng + Dạy kỹ năng sống: Những việc bé nên làm, không nên làm	3, 8
16	Trẻ biết được những nơi như hồ ao, bể nước, giếng bụi dậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần	Nhận biết ao, hồ, sông suối, bụi dậm..là những nơi nguy hiểm không được đến gần Nói được cho mọi người biết những mỗi nguy hiểm đó .	7,8
17	- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc.... - Biết không tự ý dùng thuốc . - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả là dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê thuốc lá....không tốt cho sức khỏe.	- Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc.... - Biết được nguy cơ không an toàn trong khi ăn uống (Thức ăn ôi thiu, có mùi hôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc...) - Không uống nhiều loại nước có ga, bánh kẹo ngọt - Không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe	4 ,5, 6, 7
18	- Trẻ nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu.....Biết tránh một số trường hợp không an toàn(khi người là bé ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi). Biết được địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	3,5, 7

	thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn .		
19	- Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	- Thực hiện một số quy định ở trường lớp, gia đình - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi một mình. - Đi bộ trên vỉa hè, khi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy - Không leo trèo cây, ban công, tường rào....	1,5,7
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
* Khám phá khoa học			
20	Trẻ tò mò, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh	- Nhận biết, khám phá đặc điểm các sự vật, hiện tượng... xung quanh trẻ: Trường, lớp MN, bản thân, gia đình, các nghề gần gũi, thế giới động vật - thực vật - phương tiện và quy định giao thông, nước và HTTN, quê hương - Bác Hồ... + Dự án Steam: Bánh dẻo chay (Thực hiện trong hoạt động học) + Dự án Steam: Dự án câu đối (Thực hiện trong hoạt động học) + Dự án Steam: Dự án Ô tô (Thực hiện trong hoạt động học) - Trẻ được học từ vựng tiếng anh ở các chủ đề . - Gọi tên các biểu hiện của biến đổi khí hậu: Thời tiết nóng, lạnh, trái đất nóng lên, nước biển đóng băng tan... - Nhận biết và gọi tên một số thiên tai hay xảy ra ở Điện Biên: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.....	1,3,4,6,7,8,9

21	- Trẻ có thể phối hợp các giác quan, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.....	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả Cách bảo vệ và chăm sóc con vật, cây + Một số con vật nuôi trong GD (gia súc, gia cầm), Động vật sống trong rừng, dưới nước. Một số con côn trùng, chim + Một số cây xanh, hoa, quả + Mùa hè, thứ tự các mùa trong năm	1, 2,5,6,8,9
22	Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng các cách khác nhau	- Đặc điểm, công dụng của một số PTGT và phân loại theo 2-3 dấu hiệu + Phân loại các phương tiện giao thông - Quan sát và phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	6, 7, 8
23	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để QS, so sánh, dự đoán, NX và thảo luận VD: Thử nghiệm gieo	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Dự án Steam: Máy lọc nước mini (Thực hiện trong hoạt động	

	hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và SS sự phát triển	học)	5, 6, 8
24	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	- Phân loại các loại cây, phân loại các loại quả, phân loại các loại rau, phân loại phương tiện giao thông, phân loại gia súc, gia cầm, côn trùng có lợi và côn trùng có hại, phân loại đồ dùng trong gia đình theo công dụng và chất liệu. - Tổ chức cho trẻ quan sát, thảo luận, gọi tên so sánh về sự giống và khác nhau như tiếng kêu, cấu tạo bên ngoài, vận động, thức ăn, cách kiếm ăn rõ nét giữ một số con vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước, một số loại côn trùng. - Cho trẻ phân loại các con vật theo 2 – 3 dấu hiệu, quan sát phỏng đoán suy luận một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với môi trường sống, vận động và cách kiếm ăn của các con vật. - Tổ chức cho trẻ cho các con vật ăn, uống, quan sát và thảo luận.	3, 5,6,7
25	Trẻ biết nhận xét mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng; giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Các nguồn nước trong môi trường - Lợi ích của nước đối với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước - Nguyên nhân ô nhiễm nguồn	5,8

		nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây + Tìm hiểu về nước và sự bốc hơi của nước - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi...	
26	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	Xử lý tính huống bằng các cách khác nhau	6,8
27	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm giống, khác nhau của các đối tượng quan sát và thể hiện sự hiểu biết về các đối tượng bằng các cách khác nhau	- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự giống và khác nhau của các đối tượng quan sát. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	5,6,7
28	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình....	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề Gia đình, trường học, bệnh viện...; mô phỏng vận động/di chuyển/dáng điệu các con vật. - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất... các phương tiện giao thông - Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất... các phương tiện giao thông + Dự án Steam: Bánh dẻo chay (Thực hiện trong hoạt động học)	6,7
* Làm quen với toán			
	Trẻ thích quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “	- Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số	

29	Bao nhiêu, đây là mấy”...	xe, số điện thoại...).	1, 3, 7
30	Trẻ biết đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10, đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	1,2,3,4,5,7,9
31	Trẻ có thể nhận biết các số từ 5 đến 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. Nhận biết các con số sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Các chữ số số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 + Ôn nhóm số lượng 1- 5, chữ số 1-5 + Đếm, nhận biết có số lượng 6, 7, 8, 9, 10	2, 4, 5, 6,7,8,9
32	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm - Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau	- Gộp tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm + Tách, gộp nhóm có SI 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 thành 2 phần - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	2, 3 ,4, 5, 6,8, 9
33	Trẻ so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói kết quả	- Đếm, nhận biết, so sánh nhóm có số lượng trong phạm vi 6, 7, 8, 9, 10	8, 9
34	Trẻ biết quy tắc sắp xếp và biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu, biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. Tạo ra quy tắc sắp xếp.	4
35	Trẻ có thể sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau. Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	4, 5
	Trẻ có thể gọi tên và chỉ ra các điểm giống khác	Nhận biết, phân biệt gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật,	

36	nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế..	3, 4
37	Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	Xác định vị trí của đồ vật(phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với 1 vật nào đó làm chuẩn.	2, 3, 6
38	Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	- Gọi được các thứ trong tuần. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	3
* Khám phá xã hội			
39	Trẻ nói tên, địa chỉ, mô tả đặc điểm trường, lớp, các hoạt động của cô và trẻ ở trường; Nói tên, công việc của các cô, giáo, các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp, công việc của các cô bác trong trường	1,2
40	Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.	1,2
41	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	-Tên, tuổi, ngày sinh, giới tính của bản thân	1,2.
42	Trẻ nói được địa chỉ gia đình (số nhà, phố...); Số điện thoại; Tên, tuổi, công việc của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, - Quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn) - Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình. - Vị trí của trẻ trong gia đình + Gia đình của bé	3

43	Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề	- Đặc điểm, sự khác nhau của một số nghề: “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..”	4
44	Trẻ kể tên một số lễ hội và nói hoạt động nổi bật của những ngày lễ hội; danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. + Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. + Trò chuyện về quê hương Điện Biên + Tham quan một số di tích lịch sử ở địa phương + Ngày tết trung thu của bé + Ngày hội 20/11 + Ngày tết cổ truyền dân tộc + Ngày Quốc khánh 2/9	1 ,4,5,9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
* Nghe			
45	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp.	3,4
46	- Trẻ hiểu được nghĩa của một số từ khái quát: “phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ học tập)....	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
47	Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	4,5.
48	Trẻ nghe và thực hiện được 2 đến 3 yêu cầu liên tiếp đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh	Nghe và làm theo 2 đến 3 yêu cầu liên tiếp đơn giản, quen thuộc bằng tiếng anh	7,8,9

49	Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10, một số từ, cụm từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc với lứa tuổi;	Nghe và phát âm lại các số từ 1-10 bằng tiếng anh như : 1-one; 2-two; 3- three; 4- four; 5- five; 6-six; - 7- seven; 8- eight; 9- nine; -10—ten.	4,5,6,7,8,9
50	Trẻ nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động hoặc 1-3 từ, một số mẫu câu rất đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc và khi được hỏi về khả năng và sở thích bằng tiếng anh - Trẻ nghe và thực hiện được theo hướng dẫn bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói (1-3 từ) khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh	- Nghe và trả lời bằng 1 -3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích; - Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác; - Nghe và thực hiện hướng dẫn khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi;	7,8,9
51	Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện tranh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi và trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản theo trình tự của truyện;	- Nghe bài văn vần, bài thơ, bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. - Nghe nội dung truyện tranh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.	7,8,9
52	Trẻ nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh	Nghe được từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ; Phân biệt và kể tên các màu sắc bằng tiếng Anh như màu đỏ:red, màu vàng: yellow, màu xanh: green, màu nâu: brow,màu đen :	1,2,3,4,5,6,8,9

		black, màu trắng:white - Gọi tên một số đồ dùng đồ dùng gia đình , các thành viên gia đình bằng tiếng Anh - Gọi tên một số đồ dùng học tập bằng tiếng Anh - Gọi tên một số nghề bằng tiếng Anh - Gọi tên các bộ phận trên cơ thể bằng tiếng Anh :Mắt: eyes, mũi: nose,môi:lip, tay:air, chân:leg... - Tên các con vật bé biết bằng tiếng Anh:con chó:dog,con mèo:cat,con gà:chicken... - Tên một số loại cây,loại rau quả,phương tiện giao thông,hiện tượng thời tiết bằng tiếng Anh.....	
<i>* Nói</i>			
53	Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc , hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Kể lại sự việc theo trình tự	3,5,7,9
54	- Trẻ có thể sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh	- Sử dụng các từ biểu cảm ,hình tượng - Nói và thể hiện cử chỉ , điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	1,2
55	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Đặt câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?	3, 4
	Trẻ miêu tả sự việc với một số thông tin về hành	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng,	

56	động, tính cách, trạng thái... của nhân vật	đễ hiểu Trẻ lời câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau?	5,7
57	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Nghe các bài hát bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. + Dung dăng, dung dẻ; Nu na nu nường; Tay đẹp; Gánh gánh, gông gông; Rênh rênh...Làng chim, con vỏi con voi, Con cua tám cẳng hai càng.. + Công cha...Chim trời ai...	1,2,3,4,6
58	Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện; Trẻ đóng vai của nhân vật trong truyện	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự: + Mỗi người một việc + Gấu con đau răng + Lợn con sạch lấm rồi + Ba cô gái; Hai anh em + Giọng hát chim sơn ca + Dê đen và dê trắng + Sự tích hoa hồng + Cây tre trăm đốt; Quả bầu tiên + Vì sao Thỏ cụt đuôi - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh: Sự lớn lên của gà trống, giọt nước tí xíu - Đóng kịch: Ba cô gái, quả bầu tiên, Hai anh em	2,3,5, 6, 7, 8
59	Trẻ sử dụng các từ cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng phù hợp	Sử dụng các từ cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng phù hợp với tình huống	

	với tình huống, điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.		1, 2, 3
60	Trẻ có thể nhắc lại được, nói được từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh	- Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ; - Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ, cụm từ và một số mẫu câu quen thuộc trong phạm vi từ vựng được làm quen; - Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích; - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác.	6,8,9
<i>* Làm quen với việc đọc, viết</i>			
61	- Trẻ biết chọn sách để ‘đọc “ và “ xem” - Biết cách ‘đọc sách’ từ trái sang phải từ trên xuống dưới từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc tiếng việt: Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. - Thích tham gia vào hoạt động nghe cô đọc sách, hỏi người lớn hoặc bạn bè những chữ chưa biết. - Làm quen với cách đọc tiếng việt + Hướng đọc viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Đọc, ngắt nghỉ sau các dấu - Phân biệt phần mở đầu kết thúc	5,6,7

		của sách - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn bảo vệ sách.	
62	- Trẻ nhận biết ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ..)	1,2, 7, 8
63	Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt	Nhận dạng các chữ cái: o-ô-ơ; a-ă- â; e-ê; u-u; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; v-r; g-y;	1, 2, 3, 4, 5, 6, 9
64	Trẻ tô, đồ nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Làm quen cách viết tiếng Việt: Hướng viết của các nét chữ; Viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	1,2, 3, 4, 5, 6, 8, 9
65	Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng bằng tiếng anh khi xem tranh minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu trong phạm vi từ vựng được làm quen - Hát theo được một số bài hát tiếng anh phù hợp với lứa tuổi	- Nhắc lại một số câu vắn, câu thơ đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Hát theo một số bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản theo trình tự của truyện đã được nghe; - Xem truyện tranh và kể chuyện qua tranh	8,9
66	Trẻ biết tô màu được một số nét, chữ cái tiếng Anh.	Tập tô màu một số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc.	6,8
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và KNXH			
67	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; Sở thích, khả năng của bản thân; Sở	2, 3

	hoặc điện thoại	thích của các thành viên trong gia đình. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	
68	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	2
69	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng...	So sánh bạn trai và bạn gái, giữa các bạn với mình qua dấu hiệu bên ngoài và tính cách, sở thích, giới tính, khả năng của bạn.	1,2
70	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong nhà.	Vị trí trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học	3
71	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	- Trẻ cố gắng hoàn thành bài tập và hợp tác với bạn để hoàn thành nhiệm vụ được giao. - Biết chào hỏi lễ phép, nhận quà bằng 2 tay, biết cảm ơn xin lỗi, biết giúp đỡ bố mẹ cô giáo những việc nhỏ.	2,3, 4, 5,7
72	Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày(vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi.....)	- Tự giác thực hiện công việc đơn giản hàng ngày mà không chờ nhắc nhở. - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi..) - Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động.	1,2,3
73	Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Tổ chức lao động tập thể như lau quét dọn lớp học, nhổ cỏ, tưới cây... - Giúp cô xếp bàn, ghế, gấp	1,2,3,4,5,6, 8

		chấn, - Rèn luyện kỹ năng học tập theo nhóm thông qua các trò chơi tiếng anh	
74	- Trẻ nhận biết được 1 số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, giọng nói, qua tranh, ảnh, âm nhạc...	2, 4
75	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên xấu hổ	- Trò chuyện, thảo luận, tạo tình huống, bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Trò chuyện về các loại cảm xúc khác nhau trong kinh nghiệm của trẻ. Tạo cho trẻ cơ hội chia sẻ để nói về cảm xúc của mình với người lớn và các bạn. - Tạo các tình huống để chia sẻ an ủi những người xung quanh.	1,2,3,4,5,6,7,8,9
76	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè	- Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của bạn bè và người thân. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.	1,3
77	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và 1 số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ(Chỗ ở, nơi làm việc...) Trẻ biết thể hiện tình cảm	- Kính yêu Bác Hồ - Bác Hồ với các thiếu niên nhi đồng Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	9

	đổi với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
78	- Trẻ biết 1 vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và 1 vài nét văn hóa truyền thống(trang phục, món ăncủa quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	9
79	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, lớp, gia đình, nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi qui định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời, muốn đi đâu phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên lề bên phải đường...) - Quan tâm giúp đỡ bạn bè - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	1,3.
80	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Phân biệt hành vi "đúng - sai", " tốt -xấu" - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự	1,2.
81	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, trao đổi kinh nghiệm với bạn. - Biết chờ đến lượt	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của mình với mọi người.	1
82	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn(dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn.	- Tôn trọng hợp tác chấp nhận	4, 5, 6

83	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật; bỏ rác vào đúng nơi quy định; Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường; Biết tiết kiệm trong sinh hoạt	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối - Tiết kiệm điện, nước	5, 6, 8
84	Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh; - Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh - Thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác;	- Có hứng thú với tiếng Anh và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tiếng Anh (trò chơi, các hoạt động giao lưu, ngoại khóa...) - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến bằng tiếng anh	1,2,3,4,5,6,7,8,9

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

85	- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	Thể hiện thái độ , tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	5,6,7, 8
86	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát,bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. + Ngày đầu tiên đi học; Mời bạn ăn, Ánh trăng hòa bình; Năm ngón tay ngoan + Ru con; Thật đáng chê; Tổ ấm gia đình; ba ngọn nến lung linh + Em đi giữa biển vàng; Bàn tay cô giáo	1, 2, 3, 4, 5, 6 ,8, 9

		+ Gà gáy le te; Lý hoài nam; Xuân đã về + Cây trúc xinh; Lý cây bông; Đuối chim + Trái đất này là của chúng mình; Quê hương em tươi đẹp; Nhớ giọng Bác Hồ	
87	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục..) của các tác phẩm tạo hình.	- Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, tác phẩm nghệ thuật. - Xem băng hình cảnh đẹp về thiên nhiên, quê hương, đất nước	1,2,3,4,5, 6
88	- Trẻ có thể hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát trong chương trình GDMN phù hợp với độ tuổi + Quả gì, Cho con, Bác đưa thư vui tính, Khuôn mặt cười.Nắm tay thân thiết, Mẹ là đầu bếp của con, ngày vui của bé, Đường và chân + Đàn gà con, Chú voi con ở bản Đôn, Chim chích bông + Bầu và bí, Chú ếch con, bông hoa mừng cô, hoa trong vườn, mùa hè đến, Cho tôi đi làm mưa với.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
89	- Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. + Ngày vui của bé; Đường và chân; Vườn trường mùa thu + Múa cho mẹ xem; Vì sao con mèo rửa mặt; Quả gì; + Ông cháu; Bố là tất cả; Bàn	1,2,3,4,5, 6, 7,8, 9

		tay mẹ + Cháu yêu cô chú công nhân; Cô giáo miền xuôi; + Lớn lên cháu lái máy cày; Bác đưa thư vui tính; Cháu yêu cô thợ dệt + Đàn gà con; Thương con mèo; + Chú voi ở bản Đôn; Chim chích bông; Mùa xuân đến rồi; Chú ếch con; + Lá xanh; Ngày vui 8/3; Hoa trong vườn; Bầu bí; + Nhớ lời cô dặn; Em đi qua ngã tư đường phố; + Cho tôi đi làm mưa với; Đếm sao, mùa hè đến + Inh lá ối; Nhớ ơn Bác; + Cháu vẫn nhớ trường mầm non	
90	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng/ đường nét bố cục. + Dự án Steam: Bánh dẻo chay, dự án ô tô, máy lọc nước mini, dự án câu đối. (Thực hiện trong hoạt động học)	3, 4, 5, 7, 9
91	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa và bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng đường nét và bố cục. + Vẽ chân dung cô giáo + Vẽ bạn trai bạn gái + Vẽ vườn cây ăn quả; Vẽ ngôi nhà của bé; Vẽ trang trí hình vuông, vẽ trang trí hình tròn + Vẽ trang phục, dụng cụ nghề	1,2, 3,4,5, 6,7, 9.

		y; Vẽ quà tặng bà, mẹ. Vẽ hoa (quả) ngày tết; Vẽ thuyền trên biển; Vẽ các đồ dùng học sinh tiểu học.	
92	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục. + Cắt dán những hình ảnh biểu thị quá trình lớn lên của bé. + Cắt dán hoa + Cắt dán ô tô chở khách + Cắt dán trang phục dân tộc + Xé dán hoa tặng cô; + Cắt dán dây xúc xích + Xé dán hoa quả ngày tết; Xé dán đàn cá bơi.	3, 5, 6, 7, 9
93	Trẻ phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục. + Nặn búp bê mặc váy + Nặn các con vật gần gũi; Nặn con vật sống trong rừng. + Nặn các loại quả + Dự án Steam: Bánh dẻo chay (Thực hiện trong hoạt động học)	2, 5, 6
94	Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục	7, 9
95	Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục.	3, 4, 5

96	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát theo ý thích;.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	6,8,9
97	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Trẻ tự tạo ra các tiết tấu khi nghe nhạc, nghe hát bằng cách gõ đệm, nghe nhạc và vận động tự do theo sự cảm nhận riêng của trẻ, khuyến khích trẻ nghe giai điệu và tiết tấu riêng của bản nhạc (nhANH, chậm, to, nhỏ, mạnh, nhẹ, mềm mại)	7,8,9
98	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	7,8,9
99	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Dạy trẻ có kỹ năng quan sát. Các sản phẩm tạo hình qua các hoạt động, chia sẻ và đặt tên cho sản phẩm của mình khi đã làm xong.	6,7,8,9